

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày 19 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phiến

2. Ông Hoàng Ngọc Sông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/HSST ngày 05/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo sau:

Đỗ Văn D - Sinh ngày 05/ 10 /1974; tại thành phố H, tỉnh Y; Nơi cư trú: Tổ X, phường N, thành phố H, tỉnh Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn C - sinh năm: 1946; Con bà: Nguyễn Thị T - sinh năm: 1948; có vợ là Nguyễn Thị N - sinh năm: 1978 (*đã Ly hôn*); có 2 con, lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 05/01/2016 bị Công an thành phố Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 350.000đ, đã được xóa tiền sự. Bị cáo Đỗ Văn D bị tạm giữ từ ngày 04/5/2022, bị khởi tố và tạm giam ngày 13/5/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hà Giang; *Có mặt tại phiên tòa.*

*Người bị hại: chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1978; nghề nghiệp: giáo viên; Nơi cư trú: Tổ A, Phường N, thành phố H, tỉnh Y. *Có mặt.*

*Người có QLNVLQ: 1/ Ông Nguyễn Xuân H - Sinh năm: 1979; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ B, phường N, thành phố H, tỉnh Y. *Vắng mặt có lý do.*

2/ Bà Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1968; nghề nghiệp: Viên chức; Địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố H, tỉnh Y. *Vắng mặt có lý do.*

3/ Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1963; nghề nghiệp: Viên chức; Địa chỉ: Tổ S, thị trấn V, huyện P, tỉnh Y. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17/3/2022 bị cáo Đỗ Văn D đang ở nhà tại tổ X, phường N, thành phố H thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Xmen, màu sơn: Trắng đỏ (*là xe của Đỗ Quỳnh H - Sinh năm 2005, là con gái D*) đến nơi ở của chị Nguyễn Thị N (*là vợ cũ của Dũng*) tại tổ 18, phường N, thành phố H. Khi đến nơi bị cáo thấy cửa nhà mở, trong nhà không có người, bị cáo đi vào trong nhà, khi đi đến khu vực gian bếp bị cáo thấy 01 (*một*) chiếc máy in, nhãn hiệu Canon LBP 2900 để ở trên ghế, phía bên tay trái theo hướng đi vào, bị cáo dùng hai tay bê chiếc máy in đi ra ngoài để lên xe máy điện đi về nhà tại tổ X, phường N, thành phố H. Bị cáo để chiếc máy in vào góc sân bên trái, trước cửa nhà rồi lấy thùng xốp đặt lên trên chiếc máy in. Chiều cùng ngày bị cáo đi giám sát công trình đang thi công tại huyện V, tỉnh Y, khoảng một tuần sau bị cáo về nhà mang máy in đã trộm cắp được đi bán tại quán sửa chữa máy tính XH thuộc tổ G, phường N, thành phố H cho anh Nguyễn Xuân H với giá: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), số tiền có được từ việc bán máy in bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Còn anh H sau khi mua chiếc máy in được khoảng 2 tuần thì có một người nam giới đeo khẩu trang (*Hiện không xác định được nhân thân, lai lịch*) đến hỏi mua máy in, anh H đã bán chiếc máy in với giá 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền này anh H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 17/3/2022 chị N đến Công an thành phố Hà Giang tố giác hành vi trộm cắp tài sản và hành vi lăng mạ, đe dọa giết người của Đỗ Văn D. Cùng ngày bị cáo đến Công an thành phố xin đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản. Tại Cơ quan điều tra bị cáo khai nhận: Do mâu thuẫn gia đình, năm 2021 bị cáo và chị N đã được Tòa án nhân dân thành phố H quyết định cho ly hôn, từ thời gian đó đến nay chị N ở nhờ nhà chị gái là Nguyễn Thị H tại tổ A, phường N, thành phố H. Ngày 17/3/2022, bị cáo phát hiện chị N không có nhà nên đã lấy trộm chiếc máy in để đem đi bán. Việc chửi mắng, đe dọa chị N bắt đầu từ thời điểm chuẩn bị ly hôn đến nay nhằm mục đích không cho chị Nga ly hôn và quay về đoàn tụ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang kết luận: chiếc máy in Canon LBP 2900 có giá trị tại thời điểm khảo sát là: 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Như vậy hành vi của bị cáo Đỗ Văn D đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trước Cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Đối với tài sản bị thiệt hại là chiếc máy in Canon LBP 2900 chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo phải trả lại máy in hoặc bồi thường tiền với giá trị tương đương với giá trị tài sản bị mất trộm.

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSTPHG ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang truy tố tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng. Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng Điều 125, 328 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 BLDS buộc bị cáo bồi thường số tiền với giá trị tương đương với giá trị tài sản bị mất trộm là 3.600.000đ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn D tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo Trạng của VKS đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận khoảng Khoảng 10 giờ ngày 17/3/2022 bị cáo Đỗ Văn D đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc máy in, nhãn hiệu Canon LBP 2900 có giá trị là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) của chị Nguyễn Thị Nga tại tổ A, phường N, thành phố H. Sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo mang bán cho anh Nguyễn Xuân H được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), mang đi tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, được pháp luật hình sự bảo vệ và cần phải được xử lý bằng hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng

đến 03 năm:....”

Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có sự hiểu biết về pháp luật, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm đem bán lấy tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Bị cáo tự mình thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm, nên phải tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà xem xét hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo đã gây ra.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo là giám đốc công ty xây dựng, có thu nhập ổn định hàng tháng từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ một tháng, vì vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra tài sản trộm cắp được bị cáo đã bán chi tiêu cá nhân, bị cáo phải tự chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 3.600.000đ cho bị hại Nguyễn Thị N.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

*Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố H, tỉnh Y và gia đình nơi bị cáo cư trú theo dõi, giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

- Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000đ.
- Áp dụng Điều 125, 328 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 BLDS buộc bị cáo bồi thường số tiền với giá trị tương đương với giá trị tài sản bị mất trộm là 3.600.000đ cho chị Nguyễn Thị N.

*Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận

- TAND, VKSND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Nhà tạm giữ, CQĐT Công an TP Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CATP Hà Giang;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu HS, VP./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sùng Thị Mai